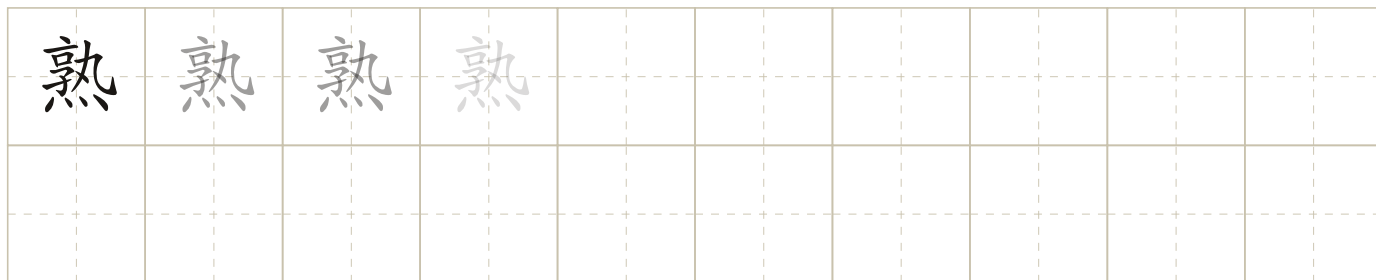




shúxī · thực tất · quen thuộc

shú/shóu



xī

